

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 8 - 2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh
2. Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C; tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Như- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 06, ấp B, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước; có mặt

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc V**, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 và quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Phạm Văn T trình bày:*

Anh và chị V sống chung với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2007 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Bình Phước, chung sống đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân: Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cự cãi lẫn nhau, tháng 2/2018 chị V bỏ về cha mẹ ruột ở

An Lộc, An Cơ sống. Tháng 4/2018 anh có gặp chị V kêu về sống chung, nhưng chị V không đồng ý, sau đó chị V bỏ nhà đi làm ăn xa. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị V. Hiện tại chị V có hộ khẩu ở địa phương, có nhà riêng nhưng bỏ đi làm ăn, không thông báo địa chỉ mới cho anh, cố tình dấu địa chỉ, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06/7/2007, hiện đang sống chung với anh, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

** Chị Nguyễn Thị Ngọc V không đến Tòa án, không cung cấp bản khai nên không có lời khai trong hồ sơ.*

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quy định tại các Điều 70, 71, và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho anh T được ly hôn với chị V. Về con chung đề nghị giao anh T tiếp tục chăm sóc. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung, anh T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

Án phí: Anh T chịu theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị V đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho anh T và Tòa án nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng chị V vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị V sống chung với nhau từ năm 2006 có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2007 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cự cãi lẫn nhau, Anh chị ly thân nhau từ tháng 2/2018 nhưng hai bên không ai quan tâm đến ai, không có thiện chí hàn gắn, tháng 4/2018 chị V có gặp anh T để thăm con, nhưng cũng không về chung sống với anh T.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn với chị V là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung là Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06/7/2007. Từ khi anh chị ly thân, cháu Khoa trực tiếp sống chung với anh T đến nay, tâm tư tình cảm cháu gắn liền với anh T, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai cháu K có nguyện vọng được sống chung với cha, nên giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp tâm tư nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung anh T không yêu cầu giải quyết, về nợ chung anh khai không có nợ ai nên HĐXX không xem xét.

Đối với chị V. Quá trình tham gia tố tụng chị V không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc V.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06/7/2007 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu.

Chị V được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản chị V thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019674 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu